

Nghi thức “Làm phép ghe” trong Lễ bốn mạng Thánh Phêrô của cộng đồng ngư dân vùng biển thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

Võ Thị Ngọc Thanh

Trường Đại học Bình Dương

Email liên hệ: ngocthanh24.02@gmail.com

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, văn hóa biển của ngư dân được quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau, nổi bật là các khía cạnh về đời sống văn hóa tinh thần và văn hoá xã hội. Đặc điểm văn hóa của cộng đồng ngư dân nơi biển, đảo thể hiện rõ nét sự thích nghi trước những tác động và ảnh hưởng của môi trường tự nhiên nơi cư trú. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến Lễ bốn mạng Thánh Phêrô và Hội Lao động biển Thánh Phêrô, đây là một lễ hội của đạo Công giáo và một tổ chức xã hội – tôn giáo liên quan đến nghề biển, có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của ngư dân Công giáo thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Đây là một trong những sắc thái văn hóa biển vô cùng độc đáo của vùng biển La Gi.

Từ khóa: Lễ hội, Thánh Phêrô, Nghi thức làm phép ghe, văn hóa biển

The ceremony of “boat ritual” in “the Feast of Saint Peter” by the fishermen community in La Gi town, Binh Thuan province

Abstract: In recent years, mariculture has been paid much attention and studied from many different approaches, notably fishermen’s cultural and social life. Fishermen community’s cultural characteristics demonstrate their adaptation to impacts of the natural environment. The article refers to “Lễ bốn mạng Thánh Phêrô” (the Feast of Saint Peter) – a Catholic festival - and Saint Peter’s Association of maritime workers - a socio-religious organization related to the marine profession, which plays an important role in the Catholic fishermen’s cultural life in La Gi town, Binh Thuan province. This is one of the unique features of mariculture in La Gi coast.

Key words: Festival, Saint Peter, nghi thức làm phép ghe (boat ritual), mariculture

Ngày nhận bài: 08/3/2022

Ngày duyệt đăng: 15/6/2022

1. Đặt vấn đề

La Gi là thị xã (TX) ven biển của tỉnh Bình Thuận, đường bờ biển trải dài 28 km từ xã Tân Phước đến Tân Hải. Vùng đất La Gi xưa có vị trí hẻo lánh, rừng và biển còn hoang vắng nhưng điều kiện mưu sinh có thể khai thác, do đó La Gi trở thành nơi dừng chân lập nghiệp của nhiều lớp dân di cư, trong đó có bộ phận không nhỏ tập trung ở ven biển sống bằng nghề chài lưới, đánh cá. Qua quá trình thích nghi với môi trường biển, ngư dân La Gi đã tạo nên những sắc thái văn hóa riêng, đặc biệt là trong đời sống tinh thần với những hình thức tín ngưỡng, tôn giáo đa dạng như: Thờ Thần Nam Hải, thờ Mẫu (Thiên Y A Na, Bà Ngũ Hành), thờ Thầy Thím, Thánh Phêrô. Ngoài các cơ sở thờ tự như đình, dinh, La Gi còn là vùng cư dân biển đặc thù với hệ thống giáo xứ khá dày đặc. Nơi đây còn có những lễ hội biển của cộng đồng ngư dân thể hiện dấu ấn nghề nghiệp rất đặc sắc, trong đó đáng kể nhất là Lễ Bốn mạng Thánh Phêrô của cộng đồng ngư dân Công Giáo.

Thông qua khảo sát điền dã, vận dụng những phương pháp nghiên cứu như quan sát tham dự, phỏng vấn sâu, tham gia những hoạt động của lễ hội và tiếp cận các tài liệu của chính quyền và của các nhà nghiên cứu về vùng đất La Gi, tỉnh Bình Thuận, đồng thời kết hợp với thuyết Chức năng luận (Functionalism) của Malinowski (Phan Thị Yến Tuyết, 2016), vận dụng nhằm phân tích, làm rõ chức năng của lễ hội biển để thấy được những đặc trưng trong đời sống văn hóa của ngư dân nơi đây.

2. Quá trình hình thành cộng đồng ngư dân ở thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

Quá trình hình thành cộng đồng ngư dân TX La Gi gắn với tiến trình hình thành cộng đồng dân cư chung của tỉnh Bình Thuận (Đình Hy, 2011), trải qua những sự kiện lịch sử của đất nước.

Vào thế kỷ XVII, trong bối cảnh lịch sử Trịnh - Nguyễn phân tranh, người dân hai xứ Đàng Ngoài và Đàng Trong chịu nhiều tai ương, khốn khổ. Không chịu nổi cảnh lầm than, nhiều cư dân đã đi thuyền buồm ven bờ biển, tìm đường về phương Nam để tránh chiến tranh, ổn định cuộc sống. Một trong những vị trí dừng chân lập làng mới của di dân là vùng biển Bình Thuận. Những điểm cư dân quần tụ lúc bấy giờ tập trung tại các khu vực Bình Thạnh, Bình Thiện, Quan Thái, Hòn Nghê, Mũi Né. Mặc dù các khu vực này là những cửa biển hoang vu nhưng vẫn có nước ngọt, ngư trường nhiều cá, thời tiết khá thuận lợi, dễ sinh sống hơn so với quê hương cũ ở Đàng Ngoài. Về lao động, người dân chủ yếu theo nghề gốc từ quê hương cũ, như bộ phận nông dân tiếp tục canh tác nông nghiệp, bộ phận khác gốc làm nghề cá thì tiếp tục cư trú dọc theo bờ biển, hình thành các làng chài (Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Thuận, 1994).

Năm 1693, nhóm cư dân người Chăm lánh nạn chiến tranh đã di chuyển về đây lập làng ở các vùng nay là Hiệp Nghĩa, Phò Trì. Ngoài ra, một số nhóm đồng bào dân tộc thiểu số như Cơ Ho, Raglai, Châu Ro từ phía Đông Di Linh di cư xuống vùng Suối Kiết, Bà Giêng, Sông Phan (UBND tỉnh Bình Thuận, 2006).

Sau khi phong trào khởi nghĩa Tây Sơn thất bại, nhà Nguyễn mở rộng chính sách di dân khai thác đất mới, vùng biển Bình Thuận tiếp tục đón nhận thêm nhiều đợt di dân nên dân số ở các bãi ngang, cửa biển tăng lên. Các làng biển như Phan Rí, Phố Hải, Mũi Né, La Gi dân cư quần tụ ngày càng đông đúc (Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Thuận, 1994).

Giai đoạn cấm đạo dưới các đời vua Minh Mạng (1820-1840), Thiệu Trị (1841-1847) và Tự Đức (1848-1883) có dấu ấn đặc biệt tại TX La Gi. Một số chỉ dụ cấm đạo rất ngặt nghèo như đối với giáo sĩ người nước ngoài, linh mục bản xứ: nếu bị bắt thì bị triều đình xử tử dưới nhiều hình thức; đối với giáo dân buộc phải bỏ đạo, đập Thánh giá, nếu không chấp hành, tùy trường hợp, sẽ bị tử hình, hoặc đánh roi, thịch chữ vào mặt rồi bị lưu đày. Do tình hình đó, hàng ngàn giáo dân đã di cư lánh nạn để tránh những cuộc truy sát của quân triều đình. Một trong những bộ phận giáo dân này đã tìm đến vùng La Gi lúc ấy còn hoang sơ, hẻo lánh như thôn Tân Lý hiện nay. Dưới sự dẫn dắt của linh mục Phanxicô Xaviê Huỳnh Công Ấn, giáo dân đã tạo dựng cuộc sống mới tại vùng La Gi, thành lập nên Họ đạo đầu tiên là Họ La Gi-Tân Lý, ngày nay thuộc giáo phận Phan Thiết. (Giáo hạt Hàm Tân-Giáo phận Phan Thiết, 2015).

Sau khi thực dân Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ vào năm 1862 và kế đến là 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ vào năm 1867, nhiều nhóm di dân ở Nam Kỳ đã ngược đường trở lên La Gi để định cư lập nghiệp vì nơi đây còn hoang sơ. Về ngư nghiệp, thời kỳ này phương tiện đánh bắt còn thô sơ nên ngư dân La Gi chủ yếu làm các nghề khai thác gần bờ như lưới sẫm, lưới rừng và làm các nghề thủ công như nước mắm, chế biến cá khô (Đình Hy, 2011).

Sau năm 1954, làn sóng di cư vào La Gi gồm 2 nhóm: i) nhiều nhóm ngư dân Công giáo ở miền Bắc di cư theo các Giáo xứ đến La Gi, họ quy tụ thành những làng chài, thành lập các Giáo xứ như Thanh Xuân (1960), Vinh Thanh (1965), đồng thời, phát triển nghề câu khơi ở La Gi cho đến hiện nay (Phan Thị Yến Tuyết, 2017); ii) nhóm di dân lánh nạn chiến tranh thời kỳ những năm 1960 ở miền Trung, đa phần là ngư dân ở các tỉnh như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Khi đến định cư ở La Gi, họ tập trung chủ yếu tại các làng biển như Phước Lộc, Tân Long, tiếp tục làm nghề biển để ổn định đời sống, đồng thời duy trì những giá trị văn hóa truyền thống mang theo từ quê hương cũ. Cộng đồng ngư dân và cư dân đã lập nên các Dinh, Đình là nơi thờ cúng Thần Hoàng Bốn Cảnh, các vị Tiên hiền, Hậu hiền... (Dinh Thầy Thím); xây dựng các Dinh Vạn nơi thờ cúng Cá Ông (Đình-Vạn Phước Lộc, Vạn Tân Long, Vạn Tân Phú) (Võ Thị Ngọc Thanh, 2019).

Năm 1970, thời kỳ Lonol đảo chính tàn sát người Việt ở Campuchia, La Gi nhận gần 5.000 người Việt hồi hương đến đây định cư.

Năm 1973 khoảng 25.000 đồng bào người Việt thuộc các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi di cư theo kế hoạch dồn dân của chính quyền Sài Gòn (UBND tỉnh Bình Thuận, 2006).

Sau năm 1975, di dân đến La Gi tuy không ồ ạt như những đợt trước nhưng liên tục, làm cho dân số ở La Gi ngày càng tăng lên. Năm 2005, sau khi tách ra khỏi huyện Hàm Tân để thành lập thị xã, La Gi có 112.558 nhân khẩu. Đến năm 2018, TX La Gi có khoảng 143.850 nhân khẩu.

Do hoàn cảnh lịch sử, quá trình hình thành cộng đồng ngư dân tại La Gi rất đa dạng. Sự tập trung cư dân tại đây là một trong những lý do cho thấy La Gi là vùng đất, vùng biển có vị trí hẻo lánh, rừng và biển còn hoang vắng nhưng có điều kiện mưu sinh, do đó cư dân đến đây để tìm bình an và sinh sống với những điều kiện tương đối tốt như canh tác nông nghiệp, làm vườn, ngư nghiệp.

Khi đến vùng đất mới, vì cư trú dọc nơi ven biển nên họ chủ yếu làm nghề biển để sinh sống, từ đó thành lập nên các làng, vạn chài. Cộng đồng giáo dân định cư theo những tổ chức giáo xứ của mình. Môi trường sống đã chi phối mạnh mẽ đến hoạt động kinh tế, đời sống văn hóa và xã hội của cộng đồng ngư dân TX La Gi, từ đó tạo cho văn hóa biển của cộng đồng ngư dân nơi đây mang những nét đặc trưng riêng.

3. Hệ thống giáo xứ và thiết chế tôn giáo – xã hội ở thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

3.1. Hệ thống giáo xứ ở thị xã La Gi

Thị xã La Gi hiện có 15 giáo xứ và đều trực thuộc Giáo phận Phan Thiết. Trong các giáo xứ ở La Gi, giáo xứ Vinh Tân lớn nhất, có trên 3000 giáo dân sinh sống chính bằng nghề biển với khoảng 110 chiếc ghe tàu lớn nhỏ (trong tổng số 1000 chiếc của thị trấn La Gi (Phan Thị Yến Tuyết, 2017). Còn giáo xứ khác, số ngư dân ít hơn (như Giáo xứ Tân Lý có khoảng 60 chiếc ghe, Giáo xứ Thanh Xuân khoảng 30 chiếc, Giáo xứ Vinh Thanh khoảng 20 chiếc, Giáo xứ Hiệp An khoảng 10 chiếc), bộ phận giáo dân còn lại của các giáo xứ kể trên vì cư trú ở xa biển nên họ chủ yếu làm nông và buôn bán (Võ Thị Ngọc Thanh, 2019).

Sắc thái văn hóa biển tại các giáo xứ ở TX La Gi được thể hiện qua kiến trúc xây dựng của các nhà thờ như: nhà nguyện Giáo xứ Thanh Bình và nhà thờ Giáo xứ Vinh Tân có hình dáng giống chiếc tàu đi biển; Giáo xứ Vinh Thanh có tượng Thánh Andre kéo lưới, nhà nguyện Giáo xứ Tân Lý có biểu tượng hình cánh buồm. Trong số các kiến trúc vừa nêu, có lẽ nổi bật nhất là ở Giáo xứ Thanh Bình với khu nhà nguyện có hình dáng giống chiếc tàu, theo ý kiến của một số linh mục và giáo dân thì mô hình này mang hai ý nghĩa, thứ nhất đó là phương tiện đi biển của

ngư dân giáo dân tại địa phương; thứ hai đó là hình ảnh chiếc tàu Nô Ê trong truyền thuyết, kể về ông Nô Ê đóng con tàu này theo ý Chúa là để cứu ông và gia đình, cùng các loài động vật nhằm khỏi bị diệt vong bởi trận trũng phạt đại hồng thủy của Thiên Chúa.

Bảng 1: Hệ thống 15 Giáo xứ trên địa bàn TX La Gi

STT	Tên cơ sở tôn giáo	Địa chỉ
1	Giáo xứ Vinh Tân	Khu phố 9, phường Phước Hội
2	Giáo xứ Thanh Xuân	Khu phố 9, phường Phước Hội
3	Giáo xứ Tân Lập	Khu phố 5, phường Tân Thiện
4	Giáo xứ Tân Lý	Khu phố 4, phường Bình Tân
5	Giáo xứ Đá Dựng	Khu phố 1, phường Bình Tân
6	Giáo xứ Vinh Thanh	Khu phố 3, phường Phước Lộc
7	Giáo xứ Tân Tạo	Khu phố 1, phường Tân An
8	Giáo xứ Đồng Tiến	Khu phố 4, phường Tân An
9	Giáo xứ Phước An	Khu phố 7, phường Tân An
10	Giáo xứ Tin Mừng	Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước
11	Giáo xứ Bình An	Thôn Bình An 1, xã Tân Bình
12	Giáo xứ Thanh Bình	Thôn Bình An 2, xã Tân Bình
13	Giáo xứ Tinh Hoa	Thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải
14	Giáo xứ Hiệp An	Thôn Hiệp An, xã Tân Tiến
15	Giáo xứ Truyền Tin	Thôn Hiệp Phú

Nguồn: UBND TX La Gi-Phòng Nội Vụ tháng 3/2017.

3.2. Thiết chế tôn giáo - xã hội ở thị xã La Gi: trường hợp Hội Lao động biển Thánh Phêrô

Tại TX La Gi, Hội Lao động biển Thánh Phêrô là tổ chức không chính thức liên quan đến nghề biển. Hầu hết các giáo xứ ở TX La Gi có tín đồ là ngư dân đều thành lập Hội Lao động Biển Thánh Phêrô. Vai trò của Hội Lao động Biển là kêu gọi ngư dân đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ lẫn nhau trong lao động, cũng như trong cuộc sống.

Hội Lao động Biển Thánh Phêrô được ngư dân thành lập từ lâu khi còn ở quê cũ từ miền Bắc. Tổ chức nghề cá này được tiếp tục duy trì khi giáo dân di cư đến vùng đất La Gi. Hội Lao động biển Thánh Phêrô tại TX La Gi là một tổ chức khá chặt chẽ, các vị trí quan trọng sẽ được cấp giấy ủy quyền từ Giáo phận Phan Thiết và Giáo hạt Hàm Tân.

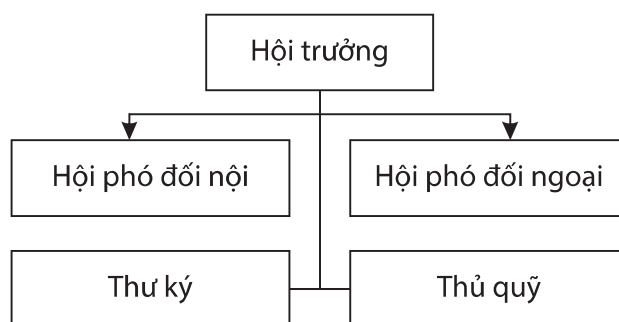
Hiện nay BQL Hội Lao động Biển Thánh Phêrô gồm 5 thành viên, mỗi thành viên đảm nhiệm một vị trí, vai trò khác nhau. Họ là những ngư dân Công giáo được giáo dân trong giáo xứ tin tưởng, tín nhiệm và bầu chọn. Nhiệm kỳ của BQL Hội Lao động biển thường 5 năm. Theo quy định của Hội, Linh mục, Cha xứ và phụ nữ không được tham gia ứng cử, đảm trách những vị trí quan trọng trong BQL Hội vì những thành phần này không trực tiếp lao động đánh bắt ngoài biển nên không thể nắm rõ tình hình thực tế để giải quyết sự việc.

+ Hội trưởng và Hội phó đối nội: phụ trách chung tình hình ghe tàu ngoài biển, hỗ trợ chăm lo cho ghe thuyền của giáo dân gặp nạn trong quá trình họ đánh bắt ngoài biển khơi.

+ Hội phó đối ngoại: phụ trách những công việc trong đất liền, liên quan đến đời sống của ngư dân như tang tế, hội họp, kêu gọi hỗ trợ những gia đình ngư dân gặp khó khăn, tai nạn...

- + Thư ký: quản lý các vấn đề sổ sách, giấy tờ, công văn.
- + Thủ quỹ: có trách nhiệm lo về tài chính, theo dõi vấn đề thu, chi của Hội (Phan Thị Yến Tuyết, 2014).

Sơ đồ 1. BQL Hội Lao động Biển Thánh Phêrô ở TX La Gi.



(Nguồn: Ngọc Thanh, tư liệu điền dã, 2017).

Nhìn chung, đây là tổ chức nghề nghiệp liên quan đến biển đã được người dân, đa phần là ngư dân tự thành lập và tổ chức theo những quy định riêng nhưng vẫn đảm bảo đúng theo quy định của Nhà nước. Vai trò của Hội là gắn kết những người có cùng nghề nghiệp làm biển, cùng tín ngưỡng, tôn giáo... để hỗ trợ, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong lao động và trong đời sống tâm linh

4. Nghi thức “Làm phép ghe” trong Lễ bốn mạng Thánh Phêrô

4.1. Tiến trình nghi thức “Làm phép ghe” trong Lễ bốn mạng Thánh Phêrô

+ Thời gian:

Đạo Công giáo tin rằng, Chúa Giêsu là đấng tạo dựng vũ trụ này. Chúa Giêsu đã nhận ông Phêrô, là một trong những đồ đệ tin cậy và giao những trách nhiệm quan trọng của Giáo hội cho ông nắm giữ, điều hành. Thánh Phêrô vốn dĩ xuất thân là một ngư dân, tính cách chất phát, thật thà, giản dị, có những đặc điểm giống như tầng lớp nhân dân lao động biển (Theo ông N.Q.M- Linh mục Chánh xứ Giáo xứ Tân Lý, BBPV ngày 10/07/2018). Ngày 29 tháng 6 hàng năm là ngày Lễ bốn mạng của Thánh Phêrô. Vào đúng ngày này, phần Thánh lễ đọc kinh cầu nguyện qua sự chủ trì của Linh mục được tổ chức ở nhà thờ giáo xứ, tất cả giáo dân đều ăn mừng ngày lễ Thánh Phêrô. Riêng đối với những giáo xứ làm nghề biển thì có thêm phần Nghi thức làm phép ghe, diễn ra tại bến đậu ghe thuyền. Đây là hoạt động riêng do Hội lao động biển Thánh Phêrô của mỗi giáo xứ đứng ra tổ chức, với ý ghĩa ca ngợi, tri ân vị Thánh đã phù hộ cho ngư dân trong lao động nghề biển.

Mặc dù Lễ bốn mạng Thánh Phêrô được tổ chức vào ngày 29 tháng 6 hàng năm, tuy nhiên vì một số lý do khách quan như các ghe đi đánh bắt xa bờ không về kịp, điều kiện thời tiết, tình hình thủy triều... nên các giáo xứ thường linh động chọn ngày để thực hiện nghi thức Làm phép ghe thích hợp cho giáo xứ của mình kể cận chứ không nhất thiết phải đúng ngày 29 tháng 6. Chẳng hạn, năm 2018, vì ghe của các Giáo xứ Tân Lý, Vinh Thanh, Thanh Xuân đi đánh bắt xa bờ không về kịp trong ngày lễ Thánh nên các giáo xứ này đã thống nhất tổ chức nghi thức Làm phép ghe vào ngày 1 tháng 7 (ngày chủ nhật) để các ghe có thể tập trung về tham dự đông đủ.

+ *Địa điểm tổ chức:*

Sông Dinh còn gọi là sông La Gi (La Giang) phát nguồn từ Núi Ông (Tánh Linh) chảy ngang địa phận TX La Gi với chiều dài khoảng 6 km và chảy ra biển Đông. Vì lòng sông Dinh sâu nên hai bên bờ là nơi thích hợp để ghe, tàu neo đậu trú bão hoặc chờ sửa chữa. Hàng năm, bến sông Dinh còn là nơi tập trung ghe thuyền của nhiều giáo xứ lớn ở TX La Gi về tham gia lễ hội Thánh Phê rô. Để được tham gia nghi thức Làm phép ghe, ghe tàu của các giáo xứ đều tập trung về bến đậu dưới chân cầu Tân Lý ở sông Dinh. Do quy định lâu năm, ghe của ngư dân neo đậu theo khu vực gần giáo xứ của mình. Các ghe đều trang trí cờ, hoa đầy màu sắc và bàn thờ Thánh Phê rô được lập ở vị trí trang trọng nhất trên ghe, đó là mũi ghe khu vực phía trước cabin.

+ *Chương trình Làm phép ghe*

Ở TX La Gi, chương trình *Làm phép ghe* trong Lễ kính Thánh Phê rô bốn mạng diễn ra tương tự như nhau ở các giáo xứ. Chẳng hạn, tại Giáo xứ Tân Lý, sau khi làm Thánh lễ và đọc kinh tại nhà thờ, các vị Linh mục di chuyển ra nơi ghe thuyền neo đậu và tiến hành nghi thức Làm phép ghe gồm:

- + Linh mục Chủ tế khai mạc nghi thức Làm phép ghe
- + Ca đoàn hát kinh Chúa Thánh Thần
- + Chủ tế xông hương kiệu Thánh Phê rô, đọc kinh Tin-Cậy-Mến
- + Hát Kinh Thánh Phê rô-Phao lô
- + Chủ tế công bố tin mừng và chia sẻ lời Chúa
- + Chủ tế đọc lời nguyện Làm phép ghe
- + Lời nguyện chung
- + Chủ tế xuống từng ghe để làm phép, ca đoàn hát... (Võ Thị Ngọc Thanh, 2019)

Thông thường, các Linh mục chánh xứ và phó xứ cùng chịu trách nhiệm làm phép ghe cho giáo dân của họ. Ngoài ra, các Linh mục là khách mời hoặc những Linh mục quen biết với các chủ ghe cũng cùng tham gia nghi thức làm phép ghe. Các linh mục xuống từng ghe, thực hiện nghi thức làm phép ghe là vẩy nước Thánh để ban phép cho ghe và ngư cụ của ngư dân. Những ghe nào đã được ban phép thì thả bóng bay để làm báo hiệu nhận biết.

4.2. Vai trò của nghi thức “Làm phép ghe” trong lễ Bốn mạng Thánh Phê rô

Sau khi tham gia Lễ bốn mạng Thánh Phê rô, các chủ ghe chọn ngày giờ tốt vào lúc thời tiết ổn định để bắt đầu chuyến đánh bắt với đức tin nhờ Thiên Chúa ban phước lành, mùa màng được bội thu. Nhiều trường hợp ghe tàu của giáo dân xuất phát ra khơi đi đánh bắt ngay sau khi buổi lễ vừa kết thúc, các chuyến đi đó đều được bội thu nên ngư dân càng tin tưởng vào phước lành mà Chúa đã ban tặng cho họ.

“Những ngư dân làm nghề đi biển như chú, ai cũng lo sợ gặp chuyện không may ngoài biển. Trong tâm linh mình nghĩ, tham gia nghi thức để nguyện xin Thiên Chúa ban phước lành, mưa thuận gió hòa, ghe thuyền đi hành nghề sẽ được bình an và đạt kết quả cao. Chú tin Chúa luôn ở bên mình, Ngài sẽ luôn dõi theo, che chở và giúp đỡ để mình bình an, vượt qua cơn sóng gió” (ông CVP, Giáo xứ Tân Lý, ngư dân)

“Nghi thức Làm phép ghe có 2 ý nghĩa chính, thứ nhất là thể hiện lòng tôn kính của giáo dân với vị Thánh Phê rô, thứ hai là thể hiện đức tin với đấng Thiên Chúa, cầu mong Chúa ban phước lành cho từng ghe, xuống đi biển đánh bắt được bình an, đạt được nhiều kết quả tốt” (Linh mục NQM (Linh mục chánh xứ Giáo xứ Tân Lý)

Ý nghĩa quan trọng nhất của nghi thức làm phép ghe là tăng cường sức mạnh: Đây là dạng nghi lễ dành cho cá nhân và cộng đồng. Nghi lễ này được thực hiện trong thời kỳ khủng hoảng hay biến cố lớn nào xảy ra đối với cá nhân hoặc cộng đồng; hoặc cũng có thể được tổ chức theo chu kỳ thời, chu kỳ đời người... Mục đích của việc thực hiện nghi lễ này là giúp cho cá nhân hoặc các thành viên trong cộng đồng được tăng thêm sức mạnh để vượt qua những khó khăn mà họ đang gặp phải; có được tinh thần lạc quan hơn sau nghi lễ. (Phan Thị Yến Tuyết và Huỳnh Ngọc Thu, 2016).

Đối với ngư dân Công giáo TX La Gi, nghi thức làm phép ghe có thể được xem là một dạng nghi lễ tăng cường sức mạnh, nó có ý nghĩa rất quan trọng, giúp họ tăng thêm đức tin về mặt tinh thần, luôn tin tưởng vào sức mạnh và sự che chở của Chúa để vượt qua những khó khăn, thử thách. Nghi thức làm phép ghe còn mang ý nghĩa giúp cho cộng đồng ngư dân Công giáo tăng thêm sự đoàn kết, gắn bó với nhau, cùng nhau thực hiện theo lời nguyện: “Để cho mỗi thành viên trong Hội Lao động Biển học hỏi nơi Thánh Phê-rô, biết khiêm nhường, hi sinh vâng phục, vâng theo lời giáo huấn của Hội thánh, biết đoàn kết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau khi gặp sự cố trên biển” (Võ Thị Ngọc Thanh, 2019).

Theo thuyết Chức năng, Malinowski cho rằng cả ma thuật và tôn giáo đều cùng phục vụ chức năng tâm lý, đó là làm cho con người giảm bớt nỗi lo sợ khi phải đối mặt với những bất trắc trong cuộc sống (Phan Thị Yến Tuyết, 2013).

Nghi thức làm phép ghe của ngư dân Công giáo ở vùng biển TX La Gi cho thấy thuyết chức năng thể hiện chức năng tâm lý khá rõ nét. Vì cuộc sống mưu sinh trên biển luôn phải đối mặt với những rủi ro, nguy hiểm nên ngư dân luôn cần có niềm tin tôn giáo để làm chỗ dựa về mặt tinh thần. Lễ hội Thánh Phê-rô và nghi thức Làm phép ghe cho ngư dân với ý nghĩa giúp họ tăng thêm sức mạnh về mặt tinh thần, giữ vững đức tin với đấng Thiên Chúa

5. Kết luận

Do điều kiện tài nguyên thiên nhiên biển ban đầu vô cùng phong phú nên các cộng đồng cư dân quần tụ, mưu sinh tại La Gi ngày càng đông và chủ yếu mạnh về nghề biển nên văn hóa biển của ngư dân La Gi mang sắc thái đặc trưng, điều này thể hiện trong tất cả các lĩnh vực, nổi bật nhất là qua khía cạnh đời sống văn hóa tinh thần và xã hội.

Theo trường phái Chức năng, Malinowski nhận định là môi trường thiên nhiên hay xã hội càng bất trắc và kết quả càng bấp bênh thì con người lại càng cần đến lễ nghi phù phép (Phan Thị Yến Tuyết, 2016). Chắc có lẽ vì điều này mà trong đời sống văn hóa tinh thần của ngư dân TX La Gi vẫn còn duy trì thực hành các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo. Cho thấy hoạt động mưu sinh ở vùng biển La Gi còn luôn tiềm ẩn nhiều bất trắc, khó khăn và nguy hiểm. Đến nay, dù ghe tàu đi đánh bắt cá được trang bị nhiều máy móc hiện đại nhưng ngư dân hầu như vẫn giữ nguyên vẹn việc cúng kiếng bởi vì những nghi lễ này không chỉ đáp ứng được các nhu cầu về mặt tâm linh của ngư dân mà còn giúp tăng cường sức mạnh cho cộng đồng làm nghề cá và các hoạt động liên quan đến biển.

“Nước phép” mang yếu tố sinh thái sông nước, biển cả là một trong những nghi thức tín ngưỡng khá quen thuộc trong đời sống văn hóa tinh thần, đặc biệt là đối với cộng đồng cư dân ven biển, thậm chí trong Công giáo, tôn giáo được xem là độc thần tuyệt đối cũng có nghi thức Làm phép ghe (vẩy nước Thánh lên ghe) vào ngày Bỏ mạng Thánh Phê-rô. Điều này tạo nên một sắc thái văn hóa biển thống nhất trong đa dạng.

Tài liệu tham khảo

- Đình Hy (2011). *Văn hóa xã hội cư dân vùng biển tỉnh Bình Thuận*. Tp. Hồ Chí Minh: Thanh Niên.
- Giáo hạt Hàm Tân-Giáo phận Phan Thiết. *Kỷ yếu Giáo xứ Tân Lý 130 năm hình thành và phát triển (1885-2015)*.
- Nguyễn Anh Thư (2015). Đời sống văn hóa của cư dân trên cù lao Long Hòa - Hòa Minh thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (Luận văn Thạc sĩ). Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Tp.HCM.
- Phan Thị Yến Tuyết, Ngô Thị Phương Lan Chương 4: Văn hóa (2013). *Nhân học đại cương*. Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Tp.HCM. ĐHQG Tp. HCM.
- Phan Thị Yến Tuyết và Huỳnh Ngọc Thu Chương 7: Tôn giáo (2016). *Nhân học đại cương*. Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Tp.HCM. ĐHQG Tp.HCM.
- Phan Thị Yến Tuyết (2016). Đời sống xã hội-kinh tế-văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ. Tp. Hồ Chí Minh: ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh
- Phan Thị Yến Tuyết (2017). Bài viết: *Làng Chài Công giáo ở vùng duyên hải TX La Gi. Nét văn hóa biển độc đáo của văn hóa biển miền Trung. Hội thảo Nghiên cứu Giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: ĐHQG Hà Nội.
- Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Thuận (1994). *Một số vấn đề cấp bách về văn hóa – xã hội cư dân vùng biển Bình Thuận*.
- Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận (2006). Địa chí Bình Thuận. Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Bình Thuận.
- Ủy Ban Nhân dân TX La Gi tỉnh Bình Thuận (2016). *La Gi dấu ấn một trăm năm (1916-2016)*. Thông Tin.
- Võ Thị Ngọc Thanh (2019). *Văn hóa biển của ngư dân và cư dân vùng biển thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận*. Luận văn thạc sĩ. Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Tp.HCM.

Xu hướng đổi mới trong văn chương Tản Đà - nhìn từ phương diện tư duy nghệ thuật

Lê Thanh Sơn

Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng

Email liên hệ: lethanhson1881989@gmail.com

Tóm tắt: Tản Đà bước vào con đường văn chương với tư cách là thế hệ văn sĩ chuyên nghiệp đầu tiên, trong khoảng 30 năm đầu thế kỉ XX. Đây là khoảng thời gian chứng kiến sự xáo động mạnh mẽ trong cơ tầng xã hội và nền tảng văn hóa dân tộc, kéo theo những biến đổi căn cốt trong xu hướng thẩm mỹ và tư duy nghệ thuật của các thế hệ nhà Nho cuối cùng. Trên cơ sở khái quát những thay đổi bước ngoặt trong bối cảnh văn hóa, bài viết đã tiến hành miêu tả, phân tích xu hướng đổi mới trong văn chương Tản Đà, đặc biệt ở phương diện tư duy nghệ thuật. Từ những kiến giải cụ thể, kết hợp với cái nhìn lịch đại, bài viết cũng tiếp tục nhận diện những khía cạnh độc đáo trong phong cách nghệ thuật cùng những đóng góp quan trọng của Tản Đà trong tiến trình hiện đại hóa văn học.

Từ khóa: Tản Đà, văn hóa giao thời, tư duy nghệ thuật

Innovative trend in Tan Da's literature - From an artistic thinking approach

Abstract: Tan Da was known as the first generation of professional writers in the first 30 years of the twentieth century when there was a dramatic upheaval in the social structure and the national culture, resulting in radical changes in the aesthetic and artistic thinking trends of the last Confucians. By generalizing those changes in the culture, this article describes and analyzes innovative trends in Tan Da's literature, especially in the artistic thinking. Besides, the author provides a detailed explanation building on a historical view, then identifies unique aspects of Tan Da's art style and his significant contributions to the literary modernism.

Keywords: Tan Da, transitional culture, artistic thinking

Ngày nhận bài: 12/01/2021

Ngày duyệt đăng: 10/5/2022

1. Đặt vấn đề

Có thể nói, trong khoảng hai mươi năm đầu của thế kỉ XX, bối cảnh văn hóa Việt Nam chứng kiến những bước ngoặt mang tính lịch sử. Trạng huống giao thời với sự tranh chấp, biến động giữa các vấn đề cũ - mới, truyền thống - hiện đại, Á - Âu đã tạo ra sự thay đổi chưa từng có trong lịch sử dân tộc, nhưng đồng thời, hoàn cảnh này đã ít nhiều mang đến luồng "khí vận" hanh thông cho nền văn học nước nhà. Trong sự biến chuyển chóng mặt của cuộc sống đô thị, cùng những ảnh hưởng của luồng văn hóa mới, bản thân nền văn học cần phải được điều chỉnh để bắt kịp với xu hướng của thời đại. Trước đó ít lâu, thi đàn dân tộc vẫn thấy một Tam nguyên Yên Đổ "bất mãn" mang thi ca về quy ẩn với cuộc sống nông thôn, một Tú Xương "giật mình" khi đồng quê hóa thị thành, nhưng đến Tản Đà thì hoàn toàn khác. Trong dáng dấp của một văn sĩ chuyên nghiệp, Tản Đà đã không ngần ngại đưa văn chương vào môi trường đô thị, biến nó thành một thứ hàng hóa thực thụ.

Tản Đà là thế hệ của những người sáng tác mang trong mình giềng mối với Nho học, nhưng được sống ở đô thị và tiếp nhận đồng thời những tư tưởng mới từ phương Tây, điều này đã góp phần hối thúc ông buông "ngòi bút lông" chuyển qua "bút sắt" để chuyên tâm sáng tác như một văn sĩ chuyên nghiệp. Nhìn nhận lại quá trình sáng tác ấy, có thể thấy rằng, từ rất sớm, Tản Đà đã ý thức xây dựng một quan niệm mới về văn chương, nhằm phá cách những lề lối cổ điển và đáp ứng thị hiếu thẩm mỹ của độc giả đô thị. Chính Tản Đà, với văn nghiệp đồ sộ và xuất sắc của mình, đã bắt đầu định hình phẩm chất/ vị thế xã hội cho người sáng tác văn chương, hay nói cách khác, kể từ Tản Đà trở về sau, văn sĩ chuyên nghiệp đã tạo dựng được một hệ giá trị độc lập để đánh dấu sự tồn tại của mình trong cộng đồng. Như vậy, tiếp cận văn chương Tản Đà từ phương diện tư duy nghệ thuật, gắn liền với những dấu ấn văn hóa buổi giao thời, sẽ góp phần nhận diện những khía cạnh độc đáo trong phong cách nghệ thuật cùng những đóng góp quan trọng của Tản Đà trong tiến trình hiện đại hóa văn học.

2. Những tiền đề cho quá trình đổi mới văn học

Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, là khoảng thời gian đặc biệt, chứng kiến sự biến đổi "gió Á - mưa Âu" chưa từng có trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc. Việc đẩy mạnh chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã mang đến những bước chuyển tiếp quan trọng trong hình thái kinh tế xã hội ở nước ta, từ nền sản xuất nông nghiệp, nay bắt đầu manh nha những dấu hiệu của nền kinh tế hàng hóa, kéo theo đó là sự xuất hiện của đô thị hiện đại, với tầng lớp thị dân mới được hình thành. Dù chưa phải là "địa số", nhưng tầng lớp thị dân là hình ảnh của con người thời đại mới, là những chủ thể liên văn hóa, vừa mang trong mình những giá trị truyền thống, nhưng cũng sẵn sàng hòa mình vào cuộc giao lưu văn hóa, chủ động tiếp nhận những cái mới lạ từ phương Tây mang đến: "Công chúng vui vẻ thu nạp những yếu tố mới lạ của văn minh Âu Tây, và đón nhận niềm nở các tác phẩm văn chương có mang sắc thái tân kỳ của văn chương ngoại quốc" (Nguyễn Vỹ, 1970, tr.474). Văn chương bắt nhịp với lối sống tư bản, và người sáng tác, một phần nào đó, cũng không còn mặn mà với nền văn chương cung đình, với những khuôn thước trang trọng nhưng sáo rỗng, với những hệ giá trị đã quá lỗi thời trong vòng vây "trung, hiếu, tiết, nghĩa". Vả lại, văn chương thời kì này không còn thuần túy phục vụ cho khoa cử hay quanh quẩn trong "bao biếm, phúng gián, ngôn hoài" gắn liền với những nhà Nho tao nhã. Văn chương mới hướng tới mục đích giải trí, để xóa tan đi những muộn phiền, lo âu trong cuộc sống mới xô bồ, trong xu hướng tìm về nhu cầu của cá nhân, cá thể trong cộng đồng. Dù còn nhiều nguyên nhân khác, nhưng những thay đổi trong ý thức hệ ấy đã ngấm ngấm trở thành những tiền đề quan trọng, thôi thúc nền văn học nước ta bước đến ngưỡng cửa hiện đại hóa, và biến đổi những khuôn thước thẩm mỹ vốn đã ngự trị hàng ngàn năm cùng văn hóa phong kiến.

Mặt khác, cũng cần nhìn nhận rằng, ở Việt Nam do điều kiện chính trị và hình thái xã hội đặc thù khi có sự tồn tại đồng thời giữa chế độ phong kiến và hình thức thực dân, cho nên lực lượng canh tân đất nước cũng có những sự khác biệt: "Hiện đại hóa - lúc bấy giờ đang là tư sản hóa - và dân tộc hóa vốn là những vấn đề khách quan của văn học giai đoạn tư sản và thuộc nhiệm vụ của giai cấp tư sản. Thế nhưng hai nhiệm vụ đó giai cấp tư sản Việt Nam không làm, mà lại là do nhà nho làm" (Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng, 1988, tr.427). Thực tiễn cho thấy rằng, sự thay đổi trong nền văn học nước ta ở đầu thế kỉ XX là sự thay đổi bước ngoặt từ cái cũ sang cái mới trong một trạng thái tương đối bị động, và không có sự chuẩn bị đầy đủ, chu đáo cho một bước chuyển mình của văn học, từ lí luận đến thực tiễn sáng tác, hay nói đúng hơn là một quá trình "đứt gãy" về tư duy nghệ thuật trong sự xáo động mạnh mẽ của văn hóa truyền